

Số: 27/QĐ-CNSG-QLĐT

Hậu Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô
Hệ Cao đẳng Chính quy – Khóa 25

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-LĐTBXH ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng nghề Trần Đại Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-LĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Trần Đại Nghĩa thành Trường Cao đẳng nghề Công Nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-LĐTBXH ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cho phép đổi tên Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Sài Gòn thành Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 n của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy định Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 46/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ LĐTB&XH Ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực vật liệu, luyện kim, sản xuất và công nghệ kỹ thuật khác;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-CNSG ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô trình độ Cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng hệ chính quy, Khóa 25 ngành Công nghệ Ô tô.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, P. QLĐT.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/QĐ-CNSG-QLĐT ngày 24 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn)

- Tên ngành, nghề : Công nghệ ô tô
- Mã ngành, nghề : 6510216
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo: : 2 năm (6 học kỳ)

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

- Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng là ngành, nghề học tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác nhau như: Cơ học, cơ khí, điện - điện tử, tự động hóa, tin học, an toàn..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Ngành, nghề Công nghệ ô tô chủ yếu tập trung giải quyết bốn vấn đề cơ bản: Thiết kế, chế tạo, khai thác sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa;

- Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô và xe - máy chuyên dùng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo người làm nghề công nghệ ô tô trở thành các kỹ sư lành nghề và chuyên gia có năng lực chuyên môn để giải quyết các công việc liên quan đến bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị, thiết kế các giải pháp ứng dụng và cải tiến kỹ thuật, tư vấn và quản trị trong các hoạt động liên quan đến ngành công nghệ kỹ thuật ô tô;

- Có khả năng phát triển tư duy phản biện và sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng lãnh đạo để làm việc trong môi trường đa ngành, đa lĩnh vực;

- Trở thành các công dân tích cực có phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuẩn mực, thực hiện trách nhiệm nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc đóng góp vào các lĩnh vực liên quan đến công nghiệp ô tô và hoạt động khởi nghiệp, tiếp tục học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ để phát triển bản thân thích ứng tốt với sự thay đổi của công nghệ, nhu cầu xã hội và xu hướng toàn cầu hoá.

2.2. Mục tiêu cụ thể



2.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- Giải thích được bản vẽ kỹ thuật, kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm các thông số kỹ thuật của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử, khí nén và thủy lực của các loại ô tô;
- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được các yêu cầu cơ bản và các bước công việc khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp sử dụng, vận hành và phạm vi ứng dụng của các dụng cụ và trang thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;
- Trình bày được phương pháp quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô; nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô;
- Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô;
- Lắp được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô;
- Lắp được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô;
- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động;

- Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;
- Thực hiện tốt các nội dung 5S;
- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;
- Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp;
- Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa ô tô;

- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô;
- Kiểm định ô tô;
- Quản lý bộ phận chăm sóc khách hàng ở các đại lý bán, bảo hành ô tô;
- Quản lý gara ô tô, trung tâm bảo hành - sửa chữa ô tô.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun	: 40 môn học/mô đun
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học	: 106 tín chỉ (2.505 giờ)
- Khối lượng các môn học chung	: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn	: 2070 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 843 giờ
- Khối lượng bài tập, thực hành, thực tập	: 1518 giờ
- Giờ kiểm tra	: 144 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-01	Giáo dục chính trị
2	NLCB-02	Pháp luật
3	NLCB-03	Giáo dục thể chất
4	NLCB-04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
5	NLCB-05	Tiếng Anh
6	NLCB-06	Tin học
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Điện tử cơ bản trên ô tô
8	NLCL-02	Vẽ kỹ thuật
9	NLCL-03	Dụng sai và kỹ thuật đo
10	NLCL-04	Nguội - Hàn cơ bản
11	NLCL-05	Lý thuyết ô tô
12	NLCL-06	Truyền động cơ - thủy - khí
13	NLCL-07	Auto CAD
14	NLCL-08	Nhập môn công nghệ ô tô
15	NLCL-09	Hệ thống điều khiển động cơ
16	NLCL-10	Động cơ cơ bản
17	NLCL-11	Điện động cơ
18	NLCL-12	Động cơ xăng
19	NLCL-13	Động cơ Diesel
20	NLCL-14	Điện thân xe
21	NLCL-15	Hệ thống phanh
22	NLCL-16	Hệ thống truyền lực ô tô
23	NLCL-17	Hệ thống phun xăng điện tử
24	NLCL-18	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường
25	NLCL-19	Hệ thống truyền lực điều khiển điện tử

26	NLCL-20	Hệ thống di chuyển
27	NLCL-21	Hệ thống lái
28	NLCL-22	Hộp số tự động
29	NLCL-23	Hệ thống phanh ABS
30	NLCL-24	Hệ thống phun dầu điện tử
31	NLCL-25	Quản lý dịch vụ ô tô
32	NLCL-26	Kỹ thuật sơn ô tô
33	NLCL-27	Điện lạnh ô tô
34	NLCL-28	Thực tập sơn ô tô
35	NLCL-29	Thực tập quản lý dịch vụ ô tô
36	NLCL-30	Thực tập bảo dưỡng ô tô
III Năng lực nâng cao		
37	NLNC-01	Kỹ thuật chẩn đoán ô tô
38	NLNC-02	Bảo dưỡng ô tô
39	NLNC-03	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô
40	NLNC-04	Thực tập tốt nghiệp
41	NLNC-05	Đồ án tốt nghiệp

6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/TT/ TN/BT/TL	Thi/ Kiểm tra
I.	Các môn học chung					
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tiếng anh	4	120	42	72	6
MH06	Tin học	3	75	15	58	2
Tổng		19	435	157	255	23
II.	Các môn học/mô đun chuyên môn					
II.1.	Môn học/Mô đun cơ sở					
MĐ01	Điện tử cơ bản trên ô tô	3	60	28	27	5
MĐ02	Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	2
MĐ03	Dung sai và kỹ thuật đo	2	45	15	28	2
MĐ04	Nguội - Hàn cơ bản	3	60	28	27	5
MH07	Lý thuyết ô tô	3	45	43	0	2
MĐ06	Truyền động cơ - thủy - khí	2	45	15	28	2
MĐ07	Auto CAD	2	45	15	28	2
Tổng		17	345	159	166	20

II.2.	Môn học/Mô đun chuyên môn					
MH08	Nhập môn công nghệ ô tô	2	30	28	0	2
MĐ08	Hệ thống điều khiển động cơ	2	45	15	28	2
MĐ09	Động cơ cơ bản	3	60	28	27	5
MĐ10	Điện động cơ	3	60	28	27	5
MĐ11	Động cơ xăng	3	60	28	27	5
MĐ12	Động cơ Diesel	3	60	28	27	5
MĐ13	Điện thân xe	3	60	28	27	5
MĐ14	Hệ thống phanh	3	60	28	27	5
MĐ15	Hệ thống truyền lực ô tô	3	60	28	27	5
MĐ16	Hệ thống phun xăng điện tử	3	60	28	27	5
MH09	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	2	30	28	0	2
MH10	Hệ thống truyền lực điều khiển điện tử	3	45	43	0	2
MĐ17	Hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
MĐ18	Hệ thống lái	2	45	15	28	2
MĐ19	Hộp số tự động	2	45	15	28	2
MĐ20	Hệ thống phanh ABS	2	45	15	28	2
MĐ21	Hệ thống phun dầu điện tử	2	45	15	28	2
MH11	Quản lý dịch vụ ô tô	2	30	28	0	2
MĐ22	Kỹ thuật sơn ô tô	3	60	28	27	5
MĐ23	Điện lạnh ô tô	3	75	14	55	6
MĐ24	Thực tập sơn ô tô	3	75	14	55	6
MĐ25	Thực tập quản lý dịch vụ ô tô	1	45	0	40	5
MĐ26	Thực tập bảo dưỡng ô tô	1	45	0	40	5
MĐ27	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng		61	1410	497	826	87
II.3	Môn học/Mô đun tự chọn nâng cao (Chọn 2/3 môn học/mô đun)					
MĐ28	Kỹ thuật chẩn đoán ô tô	2	45	15	28	2
MĐ29	Bảo dưỡng ô tô	2	45	15	28	2
MĐ30	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	45	15	28	2
Tổng		4	90	30	56	4
III	Đồ án tốt nghiệp					
MĐ31	Đồ án tốt nghiệp	5	225	0	215	10
Tổng		5	225	0	215	10
Tổng cộng toàn khóa		106	2505	843	1518	144

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với Xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 15670/ SLĐTĐB-XH-GDNN ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. HCM. Cụ thể:

+ Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

+ Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

+ Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

+ Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

+ Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;

+ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

7.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Thực hiện nội dung chương trình theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

* Hướng dẫn thực hiện quy định về giờ học:

- | | |
|---|-----------|
| - 1 tiết học lý thuyết | = 45 phút |
| - 1 tiết học thực hành/tích hợp | = 60 phút |
| - 1 tín chỉ lý thuyết | = 15 giờ |
| - 1 tín chỉ thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận,..) | = 30 giờ |
| - 1 tín chỉ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp | = 45 giờ |

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm



Xuất phát từ mục tiêu đào tạo giáo viên, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

*** Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số.

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

Ghi chú: Sinh viên được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;

Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

7.4. Hướng dẫn làm Đồ án tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Căn cứ vào kết quả hoàn thành chương trình của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân thực hành ngành Công nghệ ô tô theo quy định tại Văn bản số 2513/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 03/08/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng ; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp và Cao đẳng; và các thông tư bổ sung, sửa đổi (nếu có).


HIỆU TRƯỞNG

ThS. Vũ Thị Phụng



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Công nghệ Ô tô

Mã ngành: 6510216

Trình độ: Cao đẳng



